

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2023

Về việc: “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Quang.

Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa : Nguyễn Thị Thảo L - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị L, sinh ngày 03/9/1990 (Vắng mặt).

Trú tại: K 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh H, sinh năm ngày 25/8/1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: K 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn ngày 07/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L trình bày như sau:*

Chị và anh H cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/9/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, nên cả 02 đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 01 con chung L, sinh ngày 25/4/2019. Hiện con chung đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Tại đơn xin vắng mặt ngày 28/9/2023, anh H trình bày :*

Anh và chị L cưới nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Bình Đại vào ngày 22/9/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vã nên cả 02 đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung L, sinh ngày 25/4/2019. Hiện con chung đang sống với chị L, anh đồng ý để chị L nuôi con và anh cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu quan điểm:*

- *Về tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự về: xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng hạn theo qui định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh H. Về con chung: Có 01 con chung L, sinh ngày 25/4/2019. Hiện con chung đang sống với chị L, nên đề nghị chấp nhận cho chị L được tiếp tục nuôi con chung và chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Đại, huyện

Bình Đại, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên cả 02 đã ly thân từ đó cho đến nay và anh H đồng ý ly hôn. Điều đó cho thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ và phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung L, sinh ngày 25/4/2019. Chị L và anh H thống nhất chị L nuôi con và anh H cấp dưỡng phí tổn nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi tròn 18 tuổi. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị L khai không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và bị đơn phải có nghĩa vụ chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh H. Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2015 ngày 22/9/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị L được quyền nuôi cháu L, sinh ngày 25/4/2019. Buộc anh H cấp dưỡng phí tổn nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp

nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

- Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002274 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Buộc anh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND thị trấn B;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng